TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HSST
Ngày 23 - 5 - 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Vân;
2. Ông Phạm Quốc Tuấn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đức Quân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Sỹ Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: **Phan Tuấn Th**, sinh ngày 12/7/1996, tại Bến Tre. Giới tính: Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nghề nghiệp: Làm thuê. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 04/12. Con ông Phan Văn T, sinh năm 1963 và bà Trần Thị Ph, sinh năm 1959. Tiền án: Ngày 14/7/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xử phạt 03 năm 09 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". (Bản án số 32/2014/HSST). Ngày 02/12/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội "Trốn khỏi nơi giam", tổng hợp hình phạt với bản án số 32/2014/HSST ngày 14/7/2014 buộc Phan Tuấn Th phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 năm 06 tháng tù. Đã chấp hành xong ngày 22/02/2018. Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngoài tiền án nêu trên, ngày 12/4/2012, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/01/2013. Bị bắt tạm giam từ ngày 23/11/2018 cho đến nay. (có mặt)

2- Họ và tên: **Nguyễn Văn Có Nh**, sinh ngày 04/4/2001 tại An Giang. Giới tính: Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xã B, thị xã C, tỉnh An Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 05/12. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Phúc D, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1975. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa có tiền án tiền sự. Bị bắt tạm giam từ ngày 03/12/2018 cho đến nay. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn Có Nh: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1975. Địa chỉ: xã B, thị xã C, tỉnh An Giang- là mẹ của bị cáo. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Có Nh: Ông Nguyễn Văn Tr là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Long An. (có mặt)

Bị hại: ông Đặng Văn T, sinh năm 1968. Địa chỉ: xã A, huyện B, tỉnh Long An. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dư Thị N, sinh năm 1968. Địa chỉ: xã A, huyện B, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 28/10/2018, tại nhà trọ của Phan Tuấn Th, ở xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Phan Tuấn Th và Nguyễn Văn Có Nh bàn bạc cùng nhau đi cướp giật tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Nh sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Winner biển số 67H1-545.89 để làm phương tiện gây án. Th điều khiển xe mô tô biển số 67H1-545.89 chở Nh ngồi sau mang trên lưng một ba lô màu hồng, cả hai đi qua huyện Đức Hòa hướng ra Quốc lộ N2 đi về miền tây để tìm người có tài sản cướp giật. Khi đến địa phận thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An do không tìm được người có tài sản nên quay xe về hướng huyện Đức Hòa. Trên đường đi, Th ghé ven đường để đi vệ sinh. Lúc này, Nh lấy bùn đất trét vào biển số xe mô tô nhằm để không bị phát hiện. Khi Th chở Nh đến cầu Bo Bo, ở xã Tân Lập, huyện Thủ Thừa nhìn thấy ông Đặng Văn T điều khiển xe mô tô loại Dream, biển số 52K4-3916 chở vợ là bà Dư Thị N đi cùng chiều trên Quốc lộ N2, ông T có đeo trên cổ 01 sợi dây chuyền vàng 18K, kiểu móc xích, có mặt hình mỏ neo, trọng lượng 6,5 chỉ, nên nẩy sinh ý định giật sợi dây chuyền của ông Đặng Văn T. Khi đến khu vực ngã tư Quốc lộ N2 và Đường tỉnh 818 (ngã tư Nhà Yến), ông T điều khiển xe rẽ vào Đường tỉnh 818 để đi về xã Tân Thành, huyện Thủ Thừa. Th điều khiển xe mô tô chở Nh chạy theo sau, khi đến đoạn đường vắng cách Cầu Kênh T4 khoảng 300m ở Ấp 1, xã Tân Lập, huyện Thủ Thừa, Th điều khiển xe áp sát bên trái xe mô tô của ông T. Ngay lập tức Nh dùng tay phải đưa vào vùng ngực của ông T nắm lấy dây chuyền giật mạnh làm sợi dây chuyền bị đứt, Nh cầm dây chuyền trong tay phải. Th điều khiển xe mô tô chở Nh tăng ga chạy về hướng thị trấn Thủ Thừa tẩu thoát. Sau khi giật được dây chuyền, Nh đưa sợi dây chuyền cho Th xem. Sau khi xem, Th đưa lại cho Nh, kêu Nh cất vào túi áo của Nh. Th điều khiển xe ra Quốc lộ 1, hướng về huyện Hóc Môn. Trên đường đi, Th dừng xe để Nh lấy nước rửa bùn đất trên biển số xe. Th chở Nh đến tiệm vàng X của anh Phạm Trung H, ở đường Phan Văn Hớn, Ấp 2, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành Phố Hồ Chí Minh để bán dây chuyền giật được. Khi đến tiệm vàng X, Th đậu xe bên ngoài chờ, Nh vào bán dây chuyền cho anh Phạm Trung H với số tiền 9.630.000đ. Sau đó, cả hai chia mỗi người 4.815.000đ, Th tiêu xài cá nhân hết. Riêng Nh đưa số tiền được chia cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị G cất giữ. Về phía bị hại, sau khi bị giật dây chuyền, do bị mất thăng bằng nên ông T và bà N té ngã xuống đường, bị xây xát. Mặt dây chuyền bị giật rớt tại hiện trường, ông T nhặt lại mặt dây chuyền

rồi trình báo Công an, sau đó ông T và bà N đến Bệnh viện huyện Thủ Thừa điều trị vết thương.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thủ Thừa xác định Nguyễn Văn Có Nh liên quan đến vụ án nên phối hợp cùng Công an xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang để mời Nh làm việc nhưng Nh không có mặt tại địa phương. Đến ngày 12/11/2018, bà Nguyễn Thị G là mẹ ruột của Nh điện thoại kêu Nh về nhà ở xã Lê Chánh để hỏi rõ lý do vì sao bị Công an mời làm việc. Tại nhà bà G ở ấp Phú Hữu 2, xã Lê Chánh gồm có bà G, bà Nguyễn Hồng N là cô ruột của Nh, ông Nguyễn Phúc H là bác ruột của Nh, Nguyễn Văn Có Nh đã thừa nhận thực hiện hành vi cướp giật tài sản nói trên và bà G khuyên Nh đến Công an đầu thú. Ngày 19/11/2018, Nguyễn Văn Có Nh đi cùng bà G đến Công an xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu để đầu thú và giao nộp số tiền 4.815.000đ. Ngày 23/11/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thủ Thừa mời Phan Tuấn Th làm việc, Phan Tuấn Th và Nguyễn Văn Có Nh đã khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản của ông T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 897/KL.HĐĐG ngày 12/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thủ Thừa kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18k, kiểu móc xích, trọng lượng 6,5 chỉ (gồm dây và mặt dây chuyền) của ông Đặng Văn T trị giá 17.270.500đ; Bản kết luận định giá tài sản số 898/KL.HĐĐG ngày 12/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thủ Thừa kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18k, kiểu móc xích, trọng lượng 5,05 chỉ (không có mặt dây chuyền) của ông Đặng Văn T trị giá 13.417.850đ**.**

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 06/TgT.19-PY ngày 08/01/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Long An kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của ông Đặng Văn T là 08%; Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 07/TgT.19-PY ngày 08/01/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Long An kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của bà Dư Thị N là 08%.

Trong quá trình điều tra bà Nguyễn Thị G là mẹ ruột bị cáo Nh đã nộp lại số tiền 4.815.000đ; Bị cáo Phan Tuấn Th nộp số tiền 7.000.000đ để khắc phục hậu quả. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thủ Thừa đã tạm gửi Kho bạc Nhà nước huyện Thủ Thừa theo giấy nộp tiền ngày 15/3/2019.

Tại Cáo trạng số 13/QĐ-KSĐT ngày 09/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã truy tố các bị cáo Phan Tuấn Th, Nguyễn Văn Có Nh về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; h khoản 1 Điều 52; Điều 58; điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Tuấn Th từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù. Áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101; điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Có Nh từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa các bị cáo và bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo thỏa thuận thống nhất việc bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận theo thỏa thuận của các bên.

Về vật chứng: Một áo khoác hiệu adidas, màu xám; một nón lưỡi trai màu trắng, phía trước nón có chữ NIKE màu đen là tài sản của bị cáo Nh, căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự hoàn trả cho bị cáo.

Các bị cáo Phan Tuấn Th, Nguyễn Văn Có Nh khai nhận hành vi cướp giật tài sản của ông T như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa đã nêu, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Nh thống nhất về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã nêu. Đề nghị xem xét áp dụng thêm tình tiết bị cáo đầu thú theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo nhận thức được việc làm sai trái của mình và đến cơ quan công an đầu thú, bị cáo có Nh tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị áp dụng hình phạt nhẹ nhất. Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nh xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại là ông Đặng Văn T yêu cầu bồi thường dây chuyền bị mất với số tiền 14.000.000đ, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nh. Bà G là mẹ của bị cáo Nh xác định bị cáo Nh không có tài sản riêng để bồi thường, bà G đồng ý bồi thường thay số tiền còn lại là 2.185.000 đồng. Về chi phí điều trị thương tích ông T và bà N không yêu cầu bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Phan Tuấn Th, Nguyễn Văn Có Nh tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng với các tài liệu chứng cứ đã thu thập như biên bản trích xuất camera, biên bản thu hồi vật chứng....Từ đó có đủ căn cứ kết luận: Vào ngày 28/10/2018, tại ấp 1, xã Tân Lập, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, Phan Tuấn Th điều khiển xe mô tô 67H1-545.89 chở Nguyễn Văn Có Nh thực hiện hành vi cướp giật của ông Đặng Văn T một sợi dây chuyền vàng 18K, kiểu móc xích, mặt dây chuyền hình mỏ neo, trọng lượng 6,5 chỉ, trị giá 17.270.500đ. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác và đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản". Các bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện đi cướp gật tài sản của người đang tham gia giao thông, hành vi đó có thể gây thiệt hại đến sức khỏe hay tính mạng của người khác, đó là dùng thủ đoạn nguy hiểm, thuộc tình tiết định khung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Đối với Phan Tuấn Th bản thân đã có tiền án về tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự

[2] Các bị cáo Phan Tuấn Th, Nguyễn Văn Có Nh là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, do bản chất lười lao động lại thích lối sống hưởng thụ nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất an ninh, trật tự ở địa phương vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Vụ án có tính đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự

bàn bạc và phân công cụ thể nhưng cũng cần phải xét tính chất, mức độ tham gia của từng người đồng phạm theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Văn Có Nh là người đề sướng rủ rê, cung cấp phương tiện và là người thực hiện hành vi giật tài sản. Theo bị cáo Nh khai ngoài hành vi cướp giật tài sản của ông T, Nh còn cùng với tên Tr (chưa rõ nhân thân lai lịch) đi cướp giật ở địa bàn thành phố Tân An, tỉnh Long An được 01 sợi dây chuyền vàng. Do đó cần phải áp dụng cho bị cáo Nh hình phạt tù nghiêm khắc để có điều kiện giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Xét thấy tại thời điểm phạm tội bị cáo chỉ mới 17 tuổi 6 tháng 24 ngày nên khi áp dụng hình phạt có xem xét bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội, mẹ của bị cáo đã nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả, bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình vận động bị cáo đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì vậy có cân nhắc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại Điều 90, Điều 91; Điều 101; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không hợp lý vì bị cáo Nh đầu thú chứ không phải tự thú, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

Đối với bị cáo Phan Tuấn Th tham gia với vai trò là người giúp sức, bản thân đã có tiền án, cần phải áp dụng cho bị cáo hình phạt tù để có điều kiện giáo dục. Xét thấy bị cáo tự nguyện khác phục hậu quả, thành khẩn khai báo, vì vậy có cân nhắc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Xe mô tô biển số 67H1-545.89 thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị G, bà G không biết, không giao xe cho Nh đi cướp giật và không biết số tiền 4.815.000 đồng Nh đưa là tiền do phạm tội mà có nên bà G không có lỗi. Vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ chiếc xe mô tô nói trên, không xử lý bà G về hành vi chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp.

[4] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thủ Thừa có thu giữ của bị cáo Nh một áo khoác hiệu adidas, màu xám; một nón lưỡi trai màu trắng, phía trước nón có chữ NIKE màu đen. Đây là tài sản của bị cáo Nh, do bị cáo có nhu cầu nhận lại để sử dụng nên áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự hoàn trả cho bị cáo.

[5] Trách nhiệm dân sự: Ông Đặng Văn T yêu cầu bồi thường phần dây chuyền không thu hồi được tương đương số tiền là 14.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 584 Bộ luật dân sự. Trong quá trình điều tra bị cáo Phan Tuấn Th đã nộp số tiền 7.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Giàu là mẹ ruột bị cáo Nh đã nộp số tiền 4.815.000 đòng. Tại phiên tòa bà Nh đồng ý bồi thường thay cho bị cáo Nh số tiền còn lại là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 586 Bộ luật dân sự, vì vậy buộc bà G phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là 2.185.000 đồng.

[6] Quá trình điều tra, Nguyễn Văn Có Nh khai vào năm 2018 bị cáo cùng với tên Tr (chưa rõ nhân thân lai lịch) cướp giật được 01 sợi dây chuyền vàng ở địa bàn thành phố Tân An, tỉnh Long An. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thủ Thừa đã thông báo cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tân An biết để tiến hành điều tra xử lý theo thẩm quyền. Hành vi tố tụng, quyết định của Điều tra viên và Kiểm sát viên được phân công thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, người tham gia tố tụng không

khiếu nại nên hành vi tố tụng và quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[7] Về án phí: Các bị cáo Phan Tuấn Th, Nguyễn Văn Có Nh phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phan Tuấn Th, Nguyễn Văn Có Nh phạm tội "Cướp giật tài sản".

- Áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 50; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; các điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Tuấn Th 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam: 23/11/2018.

- Áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 50; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101; điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Có Nh 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam: 03/12/2018.

- Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo Phan Tuấn Th, Nguyễn Văn Có Nh để bảo đảm cho việc thi hành án.

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Văn Có Nh một áo khoác hiệu adidas, màu xám; một nón lưỡi trai màu trắng, phía trước nón có chữ NIKE màu đen theo Quyết định chuyển vật chứng số 07/QĐ-VKS ngày 09/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 586 Bộ luật dân sự;

Chi trả cho ông Đặng Văn T số tiền 11.815.000 (mười một triệu tám trăm mười lăm ngàn) đồng do Công an huyện Thủ Thừa nộp vào tài khoản số 3949.9005288 tại Kho bạc Nhà nước huyện Thủ Thừa theo giấy nộp tiền ngày 15/3/2019.

Buộc bà Nguyễn Thị G là mẹ của bị cáo Nh phải bồi thường cho ông Đặng Văn T số tiền 2.185.000 (Hai triệu một trăm tám mươi lăm ngàn) đồng.

Từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì bà Nguyễn Thị G còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chưa trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 648 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Các bị cáo Phan Tuấn Th và Nguyễn Văn Có Nh mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án này xử sơ thẩm, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo Nh, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/5/2019.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Trần Quốc Tiến